

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HS-ST.

Ngày: 17 - 9 - 2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc An.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đình Hùng.**

2. Ông **Nguyễn Mạnh Cường.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông **Trần Tiến Dũng** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Minh C (tên gọi khác: CĐ), sinh năm: 1989 tại tỉnh Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 10, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp S3, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Minh H, sinh năm 1967 và bà Ngô Kim L, sinh năm 1969; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em. Có vợ tên Trần Thị Q, sinh năm 1990 (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Bị cáo tại ngoại.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Vũ Minh H, sinh năm 1967 và bà Ngô Kim L, sinh năm 1969.

Cùng HKTT: Ấp 10, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người bào chữa cho bị cáo C: Luật sư Nguyễn Duy B – Công ty TNHH Luật B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

2/ Vũ Minh T, sinh năm: 1992 tại tỉnh Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 10, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp S3, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Minh H, sinh năm 1967 và bà Ngô Kim L, sinh năm 1969; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em. Có vợ tên Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” ngày 18/10/2018.

3/ Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 18, khu P, TT.L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ 18, khu P, TT.L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 chị em. Có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 11 (Mười một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” ngày 06/8/2018.

4/ Võ Thanh H (tên gọi khác: T), sinh năm: 1988, tại tỉnh Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Phú Mỹ 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Phú Mỹ 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Hồng N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 05 (Năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 31/8/2015 (đặc xá).

Bị cáo tại ngoại.

- Bị hại: Anh **Phạm Thành Đ**, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Ấp 3, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp S3, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai).

- Người làm chứng:

+ Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 3, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp S3, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai).

+ Anh **Trần Quốc D**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 11, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo C, T, Q, H, ông H, bà L, luật sư B có mặt, bị hại anh Đ, người làm chứng bà L, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thành Đ và Vũ Minh C có mối quan hệ quen biết nhau, Đ có nợ tiền của C nhưng chưa trả. Lúc 17 giờ ngày 04/8/2018, Vũ Minh T điều khiển xe ô tô loại 04 chỗ, biển số 72A – 248.03 chở Vũ Minh C, Nguyễn Văn Q và Võ Thanh H đi từ nhà ở ấp 3, xã S thì phát hiện Đạt điều khiển xe mô tô chở Trần Quốc D chạy qua nên C kêu T điều khiển xe ô tô đuổi theo Đ đến ấp Cẩm Đường, xã C, huyện L thì có một người phụ nữ qua đường nên Đ lách xe vào lề đường và bị ngã. Lúc này, C nói với Q và H xuống xe không chế bắt Đ lên xe nhưng Đ giằng co chống cự. Q và H giữ người còn C nắm cổ áo Đ kéo lên xe. Sau đó, C kêu T điều khiển xe đi về hướng huyện Cẩm Mỹ, trên đường đi C dùng con dao (loại dao phát rẫy) gõ vào đầu Đ gây chảy máu. T điều khiển xe ô tô đi được khoảng 04 km đến lô cao su ở xã Xuân Đường, huyện C thì dừng lại để C, Q và H đưa Đ xuống xe. Tại đây, C và H dùng tay, chân đánh Đ rồi bỏ Đ lại và tất cả lên xe ô tô về nhà. Sau đó, Đ được người dân đi đường chở về đến xã Cẩm Đường thì gặp anh trai Đ là Phạm Thành T chở Đ đi điều trị vết thương.

Quá trình điều tra, do giấy khai sinh của bị hại Đ thể hiện sinh ngày 20/8/2000 nhưng khai sinh trễ hạn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định độ tuổi của bị hại Đ. Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0908/ĐT/2018 ngày 23/11/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Nai kết

luận độ tuổi của Phạm Thành Đ là 18 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 09/11/2018. Như vậy, tại thời điểm bị xâm hại, bị hại Đ đã trên 18 tuổi.

Vật chứng vụ án: 01 con dao (loại dao phát rầy), sau khi thực hiện hành vi phạm tội, C vứt bỏ tại nhà ở ấp 3, xã S, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với xe ô tô biển số 72A – 248.03 do T thuê của anh Nguyễn Quốc Q, anh Q không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không thu giữ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo C và T bồi thường cho bị hại Đ 20.000.000 đồng, anh Đ có yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm 30.000.000 đồng nhưng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Vũ Minh C, Vũ Minh T, Nguyễn Văn Q và Võ Thanh H về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Vũ Minh C, Vũ Minh T, Nguyễn Văn Q và Võ Thanh H về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo cùng có hành vi bắt người trái pháp luật nhưng là đồng phạm giản đơn:

Bị cáo Vũ Minh C là người khởi xướng rủ rê các bị cáo còn lại thực hiện hành vi phạm tội do cho Đ vay tiền nhưng không trả nên gặp giữa đường và kêu bị cáo T lái xe đuổi theo, kêu Q và H cùng bắt Đ lên xe và đánh anh Đ. Do đó, cần xử phạt bị cáo một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Vũ Minh T sau khi nghe rủ rê đã tham gia với vai trò giúp sức điều khiển xe ô tô đã thuê để đuổi theo anh Đ. Bị cáo có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật bị cáo còn phạm tội mới và đã bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên mức án cũng được cân nhắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Q nghe C rủ rê thì bị cáo tham gia tích cực với vai trò thực hành bắt anh Đ lên xe và cùng đưa Đ xuống xe. Bị cáo có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật bị cáo còn phạm tội mới và đã bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên mức án cũng được cân nhắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Võ Thanh H nghe C rủ rê là người tích cực thực hiện hành vi bắt anh Đ lên, xuống xe cùng thực hiện hành vi đánh bị hại Đ thể hiện sự xem thường pháp luật, tính mạng, sức khỏe của con người. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo C đã tự nguyện bồi thường bù đắp một phần thiệt hại cho bị hại; theo kết luận giám định số 375/KL-VPYTW ngày 11/7/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận bị cáo C tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị hạn chế về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi và bị cáo đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q khoản 1 và khoản 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, 58, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Minh C mức án tù 10 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Đối với bị cáo Vũ Minh T đã tự nguyện bồi thường bù đắp một phần thiệt hại cho bị hại, là quân nhân xuất ngũ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Vũ Minh T mức án tù 06 tháng tù đến 08 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt tại bản án số 05/2019/HSST của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án tù 02 năm 06 tháng đến 02 năm 08 tháng tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q mức án tù 07 tháng tù đến 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt tại bản án số 148/2018/HSST của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án tù 11 năm 07 tháng tù đến 11 năm 09 tháng tù.

Đối với bị cáo Võ Thanh H có đầu thú đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Võ Thanh H mức án tù 07 tháng tù đến 09 tháng tù.

Trong quá trình bắt Đ các bị cáo còn có hành vi gây thương tích cho Đ nhưng bị hại Đ không có yêu cầu gì về hành vi này nên không xử lý.

Vật chứng vụ án: 01 con dao (loại dao phát rầy) sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo C vứt bỏ, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với xe ô tô biển số 72A – 248.03 do T thuê của anh Nguyễn Quốc Q, anh Q không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không thu giữ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo C và T đã bồi thường cho bị hại Đ 20.000.000 đồng, nay anh Đ không yêu cầu bồi thường thêm trong vụ án này nên không xem xét.

Phần trình bày của người bào chữa cho bị cáo C: Viện kiểm sát truy tố bị cáo C theo bản cáo trạng là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo tuy là người rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ mang tính bộc phát, đồng phạm giản đơn, khi đang trên đường đi thì thấy bị hại là người vay tiền của bị cáo nhưng lâu không trả nên đã phát sinh hành vi phạm tội. Ngoài ra, theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 375/KL-VPYTW ngày 11/7/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã nhận thấy được hành vi của mình là sai trái, tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Mặt khác bị cáo C và bị cáo T là hai anh em trong gia đình, bị cáo T đang chấp hành hình phạt 02 năm tù nên cần xem xét chỉ xét xử giam một người. Hiện nay bị cáo C vẫn đang trong quá trình điều trị tích cực đối với bệnh của mình cho nên mong muốn được tạo điều kiện để tiếp tục chữa bệnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Vũ Minh C mức án tù thấp nhất và cho hưởng án treo về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, các bị cáo C, T, Q và H khai nhận: Lúc 17 giờ ngày 04/8/2018, bị cáo C cùng sự giúp sức của các bị cáo T, Q và H đã có hành vi khống chế bắt anh Đ lên xe ô tô biển số 72A – 248.03 chở đi khỏi ấp Cẩm Đường 04 km, đến lô cao su thuộc xã Xuân Đường, huyện C rồi

đưa Đ xuống xe và dùng tay, chân đánh Đ. Sau đó, các bị cáo bỏ anh Đ lại và lên xe đi về.

Trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy hành vi của các bị cáo đối với bị hại có thể thực hiện đối với người chưa thành niên nên Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu Viện kiểm sát làm rõ xác định ngày tháng năm sinh của bị hại để xác định độ tuổi làm căn cứ truy tố, xét xử đối với các bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ và giữ nguyên quan điểm truy tố nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) của Viện kiểm sát.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt người trái pháp luật” nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố các bị cáo Vũ Minh C, Vũ Minh T, Nguyễn Văn Q và Võ Thanh H về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, trị an tại địa phương.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cùng có hành vi bắt người trái pháp luật nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc, phân công cụ thể.

Bị cáo Vũ Minh C là người khởi xướng rủ rê các bị cáo còn lại thực hiện hành vi phạm tội. Giữa bị cáo C và anh Đ có mối quan hệ quen biết, cho Đ vay tiền nhưng không trả nên khi gặp giữa đường bị cáo C kêu bị cáo T lái xe đuổi theo, kêu Q và H cùng bắt Đ lên xe, là người dùng dao gõ đầu Đ và đánh anh Đ. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Vũ Minh T sau khi nghe rủ rê đã tham gia với vai trò giúp sức điều khiển xe ô tô đã thuê để đuổi theo anh Đ. Bị cáo có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật bị cáo còn phạm tội mới và đã bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên mức án cũng được cân nhắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Q nghe C rủ rê thì bị cáo tham gia tích cực với vai trò đồng phạm thực hành bắt anh Đ lên xe và cùng đưa Đ xuống xe. Bị cáo có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật bị cáo còn phạm tội mới và đã bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên mức án cũng được cân nhắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Võ Thanh H nghe C rủ rê là người tích cực thực hiện hành vi bắt anh Đ lên, xuống xe cùng thực hiện hành vi đánh bị hại Đ thể hiện sự xem thường pháp luật, tính mạng, sức khỏe của con người. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Trong quá trình xét xử bị cáo C có biểu hiện tâm thần, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với C. Theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 375/KL-VPYTW ngày 11/7/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận:

Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách cảm xúc không ổn định; về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Bị cáo C tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị hạn chế về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện nay, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo C sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đầu thú, bồi thường khắc phục một phần thiệt hại. Xét đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra trong vụ án này bị cáo C và bị cáo T còn là anh em ruột với nhau, hiện nay bị cáo T đang phải chấp hành hình phạt 02 năm tù của bản án khác. Bị cáo C có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, tính chất, mức độ lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy là người rủ rê nhưng do bị cáo bị bệnh nên bị hạn chế về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi cần tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục chữa trị bệnh ổn định nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo C được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo T cũng đã tự nguyện bồi thường bù đắp một phần thiệt hại cho bị hại và là quân nhân nên xem xét áp dụng điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử ngày 22/01/2019 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” xử phạt 02

năm tù; Do đó, cần có mức án tương xứng và tổng hợp hình phạt với quyết định của bản án này theo quy định của pháp luật hình sự.

Đối với bị cáo Q có nhân thân xấu, bị cáo Q bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử ngày 30/11/2018 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” xử phạt 11 năm tù; Do đó, cần có mức án tương xứng và tổng hợp hình phạt với quyết định của bản án này theo quy định của pháp luật hình sự.

Đối với bị cáo H cũng đã đầu thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để tuyên một mức án tương xứng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Phản trình bày của người bào chữa cho bị cáo Châu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Về vật chứng: 01 con dao phát rẫy không thu hồi được.

Đối với xe ô tô biển số 72A – 248.03 do T thuê của anh Nguyễn Quốc Q, anh Q không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không thu giữ xử lý.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về vấn đề khác: Trong quá trình bắt Đ các bị cáo còn có hành vi gây thương tích cho Đ nhưng bị hại Đ không có yêu cầu gì về hành vi này nên không xử lý.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra đến khi truy tố bị cáo C không có biểu hiện gì và gia đình bị cáo cũng không trình bày hay cung cấp giấy tờ tài liệu gì về việc bị cáo C đã từng điều trị bệnh tâm thần nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố các bị cáo **Vũ Minh C, Vũ Minh T, Nguyễn Văn Q và Võ Thanh H** phạm tội **“Bắt người trái pháp luật”**.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Vũ Minh C 01 (một) năm tù** nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án ngày 17/9/2019.

Giao bị cáo Vũ Minh C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Vũ Minh T 06 (sáu) tháng tù**.

Bị cáo T phải chấp hành hình phạt 02 (hai) năm tù theo Bản án số 05/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo Vũ Minh T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q 06 (sáu) tháng tù**.

Bị cáo Q phải chấp hành hình phạt 11 (mười một) năm tù theo Bản án số 148/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2018.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Võ Thanh H 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Minh C, Vũ Minh T, Nguyễn Văn Q và Võ Thanh H mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Vũ Minh C, Vũ Minh T, Nguyễn Văn Q, Võ Thanh H, người đại diện hợp pháp của bị cáo C, người bào chữa của bị cáo C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Phạm Thành Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Công an H. Long Thành (8);
- Chi cục THADS H. Long Thành (4);
- Bị cáo (4); Người Đd hợp pháp BC (1);
- Bị hại (1); Người bào chữa BC (1);
- Lưu (6).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An